



Công ty Cổ phần Thủy điện Bình Điền

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2021

Công ty Cổ phần Thủy điện Bình Điền
Thông tin về Công ty

Giấy phép Đầu tư số 981/CP-CN Ngày 12 tháng 7 năm 2004

Giấy phép Đầu tư số 981/CP-CN ngày 12 tháng 7 năm 2004 do Thủ tướng Chính phủ cấp.

**Giấy Chứng nhận
Ưu đãi Đầu tư số** 2398/UBND-UĐĐT Ngày 28 tháng 7 năm 2005
2399/UBND-UĐĐT Ngày 28 tháng 7 năm 2005

Giấy Chứng nhận Ưu đãi Đầu tư và giấy chứng nhận bổ sung do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Thừa Thiên Huế cấp.

**Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp số** 3300361563 Ngày 8 tháng 12 năm 2003

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, lần gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3300361563 ngày 17 tháng 3 năm 2020. Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thừa Thiên Huế cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Quang Hội	Chủ tịch
Ông Vũ Đức Khánh	Thành viên
Ông Nguyễn Phong Danh	Thành viên (từ ngày 1 tháng 3 năm 2021)
Ông Lê Văn Diễn	Thành viên (đến ngày 28 tháng 2 năm 2021)

Ban Giám đốc Ông Nguyễn Quang Hải Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký Thôn Phú Lợi, Xã Bình Tiến
Thị xã Hương Trà
Tỉnh Thừa Thiên Huế
Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Thủy điện Bình Điền
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Bình Điền (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 29 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc

Nguyễn Quang Hải
Tổng Giám đốc

Tỉnh Thừa Thiên Huế, 31 -03- 2022



120
NG
HIỆM
PM
ÊM



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Thủy điện Bình Điền**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Thủy điện Bình Điền (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 31-03-2022, được trình bày từ trang 5 đến trang 29.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Bình Điền tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 21-04-00017-22-1



Wang Toon Kim

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0557-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Trương Tuyết Mai

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2594-2019-007-1

Hà Nội, **31-03-2022**

Công ty Cổ phần Thủy điện Bình Điền
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		96.644.296.973	98.718.508.951
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	11.949.048.328	5.180.370.320
Tiền	111		11.949.048.328	5.180.370.320
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		84.300.149.516	93.231.293.362
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	39.893.048.006	43.519.765.092
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		136.960.000	39.610.000
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	6	43.101.311.898	45.602.387.255
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	1.168.829.612	4.069.531.015
Hàng tồn kho	140		83.545.000	4.820.000
Hàng tồn kho	141		83.545.000	4.820.000
Tài sản ngắn hạn khác	150		311.554.129	302.025.269
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		311.554.129	302.025.269
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 260)	200		514.805.854.727	554.270.546.099
Tài sản cố định	220		510.335.784.207	545.780.971.956
Tài sản cố định hữu hình	221	8	510.314.784.207	545.780.971.956
Nguyên giá	222		982.076.541.578	981.862.189.378
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(471.761.757.371)	(436.081.217.422)
Tài sản cố định vô hình	227		21.000.000	-
Nguyên giá	228		42.000.000	-
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(21.000.000)	-
Tài sản dài hạn khác	260		4.470.070.520	8.489.574.143
Chi phí trả trước dài hạn	261	9	4.470.070.520	8.489.574.143
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		611.450.151.700	652.989.055.050

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

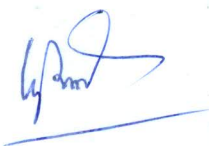
Công ty Cổ phần Thủy điện Bình Điền
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		365.063.503.671	476.023.920.516
Nợ ngắn hạn	310		150.749.032.841	169.027.416.330
Phải trả người bán ngắn hạn	311		100.200.000	1.429.200.575
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	313	10	13.192.981.778	19.395.032.901
Phải trả người lao động	314		1.164.888.655	1.764.288.805
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	11	2.970.136.062	3.357.803.071
Phải trả ngắn hạn khác	319	12	7.701.861.459	20.954.056.512
Vay ngắn hạn	320	13(a)	122.950.371.873	119.967.165.488
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	14	2.668.593.014	2.159.868.978
Nợ dài hạn	330		214.314.470.830	306.996.504.186
Vay dài hạn	338	13(b)	210.660.570.897	304.560.570.897
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	15	3.653.899.933	2.435.933.289
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		246.386.648.029	176.965.134.534
Vốn chủ sở hữu	410	16	246.386.648.029	176.965.134.534
Vốn cổ phần	411	17	155.000.000.000	155.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		200.000.000	200.000.000
Quỹ đầu tư và phát triển	418	18	5.441.283.648	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		85.745.364.381	21.765.134.534
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		170.896.850	1.479.163.586
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		85.574.467.531	20.285.970.948
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		611.450.151.700	652.989.055.050

31-03-2022

Người lập:



Lê Nguyệt Ánh
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Quang Hải
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Thủy điện Bình Điền

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 02 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	186.027.171.322	125.065.278.916
Giá vốn hàng bán	11	22	59.999.039.434	59.983.819.410
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		126.028.131.888	65.081.459.506
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	4.675.528.970	5.106.205.755
Chi phí tài chính	22		30.147.143.564	37.919.974.660
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		30.147.143.564	37.919.974.660
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	9.915.618.350	10.021.394.037
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)	30		90.640.898.944	22.246.296.564
Thu nhập khác	31		2.891.455	14.373.182
Chi phí khác	32		296.392.658	911.766.274
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(293.501.203)	(897.393.092)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		90.347.397.741	21.348.903.472
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	3.554.963.566	1.844.965.881
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	26	1.217.966.644	(782.033.357)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		85.574.467.531	20.285.970.948

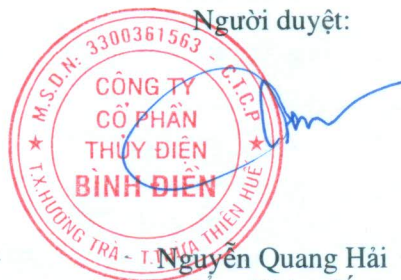
31 -03- 2022

Người lập:



Lê Nguyệt Ánh
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Quang Hải
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Thủy điện Bình Điền
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		90.347.397.741	21.348.903.472
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao	02		35.701.539.949	37.661.229.250
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(4.675.528.970)	(5.101.887.595)
Chi phí lãi vay	06		30.147.143.564	37.919.974.660
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		151.520.552.284	91.828.219.787
Biến động các khoản phải thu	09		3.484.576.407	(33.516.002.969)
Biến động hàng tồn kho	10		(78.725.000)	1.372.180.000
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(8.552.428.690)	8.350.774.817
Biến động chi phí trả trước	12		4.009.974.763	2.881.293.082
			150.383.949.764	70.916.464.717
Tiền lãi vay đã trả	14		(30.112.569.370)	(38.117.885.512)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.530.600.242)	(992.793.974)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(144.230.000)	(2.133.795.876)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		116.596.550.152	29.671.989.355
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(12.571.405.400)	(1.598.409.273)
Tiền chi cho vay	23		(6.000.000.000)	(24.000.000.000)
Tiền thu hồi nợ gốc vay	26		7.860.000.000	36.664.000.000
Tiền thu lãi cho vay và lãi tiền gửi	27		9.036.409	7.877.447
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(10.702.368.991)	11.073.468.174

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



Công ty Cổ phần Thủy điện Bình Điền
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi-vay	33		63.903.004.691	51.977.100.355
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(154.819.798.306)	(87.822.549.467)
Tiền chi trả cổ tức	36		(8.208.709.538)	(3.284.525.999)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(99.125.503.153)	(39.129.975.111)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		6.768.678.008	1.615.482.418
Tiền đầu năm	60		5.180.370.320	3.564.887.902
Tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	4	11.949.048.328	5.180.370.320

31 -03- 2022

Người lập:



Lê Nguyệt Ánh
 Kế toán trưởng

Người duyệt:




Nguyễn Quang Hải
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Thủy điện Bình Điền
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Bình Điền (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất điện thông qua việc vận hành Nhà máy Thủy điện Bình Điền với công suất lắp máy 44 MW tại Xã Bình Tiến, Thị xã Hương Trà, Tỉnh Thừa Thiên Huế; tư vấn, xây lắp các công trình điện, xây dựng điện; đầu tư xây dựng các dự án thủy điện; kinh doanh điện và thí nghiệm điện.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 56 nhân viên (1/1/2021: 55 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”); cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

(c) Phải thu khách hàng và phải thu khác

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(d) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	20 – 30 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 25 năm
▪ phương tiện vận chuyển	7 – 30 năm
▪ đồ đạc và trang bị văn phòng	3 – 6 năm

(f) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

(g) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(h) Phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Thủy điện Bình Điền
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(i) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(j) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Thặng dư vốn cổ phần

Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(k) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(l) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận hàng tháng trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa theo biên bản số đo điện và giá điện cho từng mùa được quy định cụ thể trong Hợp đồng mua bán điện ký với Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ lãi tiền gửi ngân hàng và cho vay được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(m) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

(n) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán của Công ty.

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(o) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là liên quan.

Công ty Cổ phần Thủy điện Bình Điền**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(p) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Tiền mặt	1.656.361.140	648.926.876
Tiền gửi ngân hàng	10.292.687.188	4.531.443.444
	11.949.048.328	5.180.370.320

5. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Bên khác		
Công ty Mua bán Điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	36.408.487.322	40.072.446.910
Công ty Cổ phần Năng lượng Phan Lâm	1.997.488.944	-
Công ty Cổ phần Năng lượng Thiên Niên Kỹ (Hồng Phong)	1.487.071.740	-
Công ty Cổ phần Điện mặt trời Mỹ Sơn	-	3.081.818.182
Các khách hàng khác	-	365.500.000
	39.893.048.006	43.519.765.092

6. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Khoản cho vay phải thu phản ánh khoản Công ty cho Công ty Cổ phần Năng lượng Bitexco – công ty mẹ trực tiếp vay. Khoản cho vay này không có đảm bảo và được hưởng lãi suất 10,2%/năm (2020: 10,2%/năm). Toàn bộ lãi phải thu sẽ được trả một lần tại ngày đáo hạn.

Công ty Cổ phần Thủy điện Bình Điền
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Bên liên quan		
Lãi cho vay phải thu từ Công ty Cổ phần Năng lượng Bitexco – công ty mẹ trực tiếp	398.925.085	3.344.417.167
Bên khác		
Tạm ứng	701.510.140	525.524.137
Các khoản phải thu khác	68.394.387	199.589.711
	<hr/>	<hr/>
	1.168.829.612	4.069.531.015

Khoản phải thu ngắn hạn khác từ bên liên quan không được đảm bảo, không hưởng lãi và sẽ thu được tại ngày đáo hạn của khoản gốc cho vay.

Công ty Cổ phần Thủy điện Bình Điền

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Đồ đạc và trang bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	586.334.709.359	332.930.761.132	62.432.491.432	164.227.455	981.862.189.378
Tăng trong năm	177.592.200	-	-	36.760.000	214.352.200
Số dư cuối năm	586.512.301.559	332.930.761.132	62.432.491.432	200.987.455	982.076.541.578
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	215.029.494.002	196.332.527.567	24.649.553.120	69.642.733	436.081.217.422
Khấu hao trong năm	21.984.123.862	11.274.437.002	2.379.555.125	42.423.960	35.680.539.949
Số dư cuối năm	237.013.617.864	207.606.964.569	27.029.108.245	112.066.693	471.761.757.371
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	371.305.215.357	136.598.233.565	37.782.938.312	94.584.722	545.780.971.956
Số dư cuối năm	349.498.683.695	125.323.796.563	35.403.383.187	88.920.762	510.314.784.207

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 có các tài sản có nguyên giá 842 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2021: 842 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 498.303 triệu VND (1/1/2021: 532.763 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 13(b)).

Công ty Cổ phần Thủy điện Bình Điền

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ sản xuất VND	Công cụ và dụng cụ vận phòng VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	7.592.282.730	897.291.413	8.489.574.143
Tăng trong năm	627.088.181	600.165.745	1.227.253.926
Phân bổ trong năm	(4.349.733.231)	(897.024.318)	(5.246.757.549)
Số dư cuối năm	3.869.637.680	600.432.840	4.470.070.520

10. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

	1/1/2021 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/bù trừ trong năm VND	31/12/2021 VND
Thuế giá trị gia tăng	8.432.999.162	21.487.349.545	(24.218.539.541)	5.701.809.166
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.330.600.242	3.554.963.566	(3.530.600.242)	1.354.963.566
Thuế thu nhập cá nhân	7.471.221	652.955.779	(617.215.658)	43.211.342
Thuế tài nguyên	5.882.972.411	18.053.754.357	(20.987.910.007)	2.948.816.761
Phí dịch vụ môi trường rừng	3.140.794.440	6.971.907.456	(7.028.030.340)	3.084.671.556
Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	-	2.187.974.000	(2.187.974.000)	-
Thuế khác	600.195.425	273.212.581	(813.898.619)	59.509.387
	19.395.032.901	53.182.117.284	(59.384.168.407)	13.192.981.778

Công ty Cổ phần Thủy điện Bình Điền

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Tiền thưởng	2.594.752.500	2.850.413.741
Phí dịch vụ	120.000.000	140.000.000
Chi phí khác	255.383.562	367.389.330
	2.970.136.062	3.357.803.071

12. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Cổ tức phải trả	7.624.116.500	8.585.886.038
Phí trồng rừng thay thế	-	12.315.053.200
Chi phí lãi vay	34.574.194	-
Các khoản phải trả khác	43.170.765	53.117.274
	7.701.861.459	20.954.056.512

13. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2021 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		31/12/2021 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn (*)	29.967.165.488	63.903.004.691	(64.819.798.306)	29.050.371.873
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 13(b))	90.000.000.000	93.900.000.000	(90.000.000.000)	93.900.000.000
	119.967.165.488	157.803.004.691	(154.819.798.306)	122.950.371.873

(*) Đây là khoản vay ngân hàng bằng Đồng Việt Nam, được đảm bảo bằng một số tài sản như được trình bày tại Thuyết minh 13(b) và chịu lãi suất dao động từ 7,8% đến 9% một năm (2020: 9%/năm).

Công ty Cổ phần Thủy điện Bình Điền**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Vay dài hạn**

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Vay dài hạn	304.560.570.897	394.560.570.897
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(93.900.000.000)	(90.000.000.000)
	<hr/> 210.660.570.897	<hr/> 304.560.570.897

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Năm đáo hạn	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Khoản vay ngân hàng 1	VND	2024	202.315.757.637	272.315.757.637
Khoản vay ngân hàng 2	VND	2025	82.244.813.260	97.244.813.260
Khoản vay ngân hàng 3	VND	2025	20.000.000.000	25.000.000.000
			<hr/> 304.560.570.897	<hr/> 394.560.570.897

Trong năm, các khoản vay dài hạn chịu lãi suất từ 6,6% đến 9,4% (2020: từ 1,7% đến 9,4%) một năm.

Khoản vay 1 có hạn mức tín dụng 520 tỷ VND. Nợ gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 được hoàn trả trong 32 tháng và đợt cuối sẽ trả vào tháng 8 năm 2024.

Khoản vay 2 có hạn mức tín dụng 141 tỷ VND. Nợ gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 được hoàn trả trong 7 đợt trong 4 năm và đợt cuối sẽ trả vào tháng 3 năm 2025.

Khoản vay 3 có hạn mức tín dụng 31 tỷ VND. Nợ gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 được hoàn trả trong 8 đợt trong 4 năm và đợt cuối sẽ trả vào tháng 10 năm 2025.

Khoản vay ngắn hạn và dài hạn từ ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 498.303 triệu VND (1/1/2021: 532.763 triệu VND) (Thuyết minh 8).

Công ty Cổ phần Thủy điện Bình Điền
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	2.159.868.978	4.293.664.854
Trích lập trong năm (Thuyết minh 16)	652.954.036	-
Sử dụng trong năm	(144.230.000)	(2.133.795.876)
Số dư cuối năm	2.668.593.014	2.159.868.978

15. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Thuế suất	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Khấu hao tài sản cố định	20%	3.653.899.933	2.435.933.289

Công ty Cổ phần Thủy điện Bình Điền
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	155.000.000.000	200.000.000	-	10.779.163.586	165.979.163.586
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	20.285.970.948	20.285.970.948
Cổ tức (Thuyết minh 19)	-	-	-	(9.300.000.000)	(9.300.000.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	155.000.000.000	200.000.000	-	21.765.134.534	176.965.134.534
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	85.574.467.531	85.574.467.531
Phân bổ vào quỹ đầu tư và phát triển (Thuyết minh 18)	-	-	5.441.283.648	(5.441.283.648)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi (Thuyết minh 14)	-	-	-	(652.954.036)	(652.954.036)
Cổ tức (Thuyết minh 19)	-	-	-	(15.500.000.000)	(15.500.000.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	155.000.000.000	200.000.000	5.441.283.648	85.745.364.381	246.386.648.029

Công ty Cổ phần Thủy điện Bình Điền**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***17. Vốn cổ phần**

Tại ngày báo cáo, vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2021		1/1/2021	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	15.500.000	155.000.000.000	15.500.000	155.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	15.500.000	155.000.000.000	15.500.000	155.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	15.500.000	155.000.000.000	15.500.000	155.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

18. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Khi quỹ được sử dụng để phát triển kinh doanh, khoản tiền đã sử dụng được chuyển sang Vốn cổ phần.

19. Cổ tức

Đại hội đồng Cổ đông thường niên của Công ty vào ngày 21 tháng 6 năm 2021 đã quyết định phân phối khoản cổ tức là 15.500 triệu VND, bằng 10% mệnh giá của các cổ phiếu đang lưu hành (2020: 9.300 triệu VND, bằng 6% mệnh giá của các cổ phiếu đang lưu hành).

20. Khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Trong vòng một năm	1.871.917.048	-
Trong vòng từ hai đến năm năm	9.359.585.240	22.953.266.240
Sau năm năm	50.385.767.209	130.068.508.693
	61.617.269.497	153.021.774.933

Cam kết thuê bao gồm cam kết thuê đất đến năm 2054 để vận hành nhà máy thủy điện. Tiền thuê đất được miễn trong 13 năm từ năm 2008.

21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị doanh thu bán điện và doanh thu cung cấp dịch vụ, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	2021 VND	2020 VND
Doanh thu bán điện	178.172.517.922	119.389.529.826
Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.854.653.400	5.675.749.090
	186.027.171.322	125.065.278.916

22. Giá vốn hàng bán

	2021 VND	2020 VND
Chi phí khấu hao	35.385.208.497	37.358.019.943
Chi phí nhân viên	11.380.024.142	9.373.067.797
Chi phí công cụ, dụng cụ	6.176.350.534	7.355.547.138
Chi phí khác	7.057.456.261	5.897.184.532
	59.999.039.434	59.983.819.410

Công ty Cổ phần Thủy điện Bình Điền**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09 - DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***23. Doanh thu hoạt động tài chính**

	2021 VND	2020 VND
Lãi cho vay	4.666.492.562	5.094.010.148
Lãi tiền gửi	9.036.408	7.877.447
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	4.318.160
	<hr/> 4.675.528.970	<hr/> 5.106.205.755

24. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nhân viên	8.047.799.149	8.107.131.099
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ	508.827.671	506.998.116
Chi phí khấu hao	316.331.452	303.209.307
Chi phí dịch vụ mua ngoài	434.945.132	590.681.002
Chi phí khác	607.714.946	513.374.513
	<hr/> 9.915.618.350	<hr/> 10.021.394.037

25. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	508.827.671	506.998.116
Chi phí nhân viên	19.427.823.291	17.480.198.896
Chi phí khấu hao	35.701.539.949	37.661.229.250
Chi phí dịch vụ mua ngoài	434.945.132	590.681.002
Chi phí khác	13.841.521.741	13.766.106.183

Công ty Cổ phần Thủy điện Bình Điền**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***26. Thuế thu nhập doanh nghiệp****(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	2021 VND	2020 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện hành	3.554.963.566	835.814.233
Dự phòng thiếu năm trước	-	1.009.151.648
	<hr/> 3.554.963.566	<hr/> 1.844.965.881
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh các chênh lệch tạm thời	1.217.966.644	(782.033.357)
	<hr/> 4.772.930.210	<hr/> 1.062.932.524

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2021 VND	2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	90.347.397.741	21.348.903.472
	<hr/>	<hr/>
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	9.034.739.774	2.134.890.347
Chi phí không được trừ được tính theo mức thuế suất	206.322.867	275.654.533
Chênh lệch thuế suất áp dụng cho thuế thu nhập hoãn lại phải trả	608.983.323	608.983.323
Thay đổi của các chênh lệch tạm thời	(1.528.469.328)	(1.500.261.951)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	1.009.151.648
Ưu đãi thuế	(3.550.752.139)	(1.136.192.961)
Ảnh hưởng của thuế suất áp dụng đối với hoạt động kinh doanh khác	2.105.713	28.913.685
Ưu đãi thuế theo Nghị quyết số 116/2020/QH14	-	(358.206.100)
	<hr/> 4.772.930.210	<hr/> 1.062.932.524

Công ty Cổ phần Thủy điện Bình Điền

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	31/12/2021		1/1/2021	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND
Các chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	-	15.284.693.273	1.528.469.328

Các chênh lệch tạm thời được khấu trừ bao gồm phần chi phí lãi vay được chuyển sang khấu trừ vào các kỳ tính thuế tiếp theo theo quy định của Nghị định 132/2020/NĐ-CP ngày 5 tháng 11 năm 2020. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tổng chi phí lãi vay được trừ của các kỳ tính thuế trước đã được mang sang hết.

(d) Ưu đãi thuế

Công ty Cổ phần Thủy điện Bình Điền thực hiện dự án đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Bình Điền và bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh từ tháng 7 năm 2009. Công ty được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) cho thời gian hoạt động còn lại của nhà máy này. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất bằng 10% lợi nhuận chịu thuế trong thời gian 15 năm từ khi nhà máy thủy điện bắt đầu hoạt động kinh doanh, được miễn thuế TNDN trong 4 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% thuế TNDN trong 9 năm tiếp theo kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 2399/UBND - UĐĐT do UBND Tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 28 tháng 7 năm 2005. Năm đầu tiên Nhà máy Thủy điện Bình Điền có thu nhập chịu thuế từ hoạt động kinh doanh dự án là năm 2009.

Công ty Cổ phần Thủy điện Bình Điền

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**27. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2021 VND	2020 VND
Công ty Cổ phần Năng lượng Bitexco – công ty mẹ		
Cho vay	6.000.000.000	24.000.000.000
Nhận hoàn trả khoản cho vay	7.860.000.000	36.664.000.000
Bù trừ khoản lãi cho vay phải thu với khoản cổ tức phải trả	7.611.984.643	4.951.836.000
Bù trừ khoản cho vay với khoản cổ tức phải trả	641.075.357	-
Thu nhập lãi cho vay	4.666.492.562	5.094.010.148
Cổ tức	8.253.060.000	4.951.836.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Bitexco – Tả Trạch		
Vay	-	3.000.000.000
Trả tiền vay	-	3.000.000.000
Chi phí lãi vay	-	25.767.123

Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của người quản lý chủ chốt

	2021 VND	2020 VND
Thành viên Hội đồng quản trị		
Lương, thưởng và thù lao	1.589.945.100	1.565.746.633
Thành viên ban Tổng Giám đốc		
Lương và thưởng	817.136.176	838.328.285
Ban kiểm soát		
Thù lao	513.000.000	504.000.000

28. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	2021 VND	2020 VND
Bù trừ khoản lãi cho vay phải thu với khoản cổ tức phải trả	7.611.984.643	4.951.836.000
Bù trừ khoản cho vay với khoản cổ tức phải trả	641.075.357	-

Công ty Cổ phần Thủy điện Bình Điền
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

31-03-2022

Người lập:



Lê Nguyệt Ánh
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Quang Hải
Tổng Giám đốc

